

Số: **1305** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **17** tháng 6 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn năm 2011

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/09/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số: 753/QĐ-BNN-TC ngày 13/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2011 (lần 5) cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Bộ;

Căn cứ Quyết định số 2893/QĐ-BNN-TCTL ngày 29 tháng 10 năm 2010 và số 760/QĐ-BNN-TCTL ngày 18/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề cương các hoạt động truyền thông, tập huấn và hướng dẫn phổ biến công nghệ thuộc nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG Nước sạch và VSMTNT;

Xét tờ trình số: 142/Ttr-NS ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn về việc duyệt dự toán chi tiết các hoạt động, tập huấn và hướng dẫn phổ biến công nghệ thuộc nguồn Kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQGNS và VSMTNT năm 2011;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán chi tiết kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, với tổng kinh phí 4.610.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm mười triệu đồng), trong đó:

1. Các hoạt động truyền thông:

- Tuyên truyền về nước sạch và VSMT trên Báo Nhân dân: 120.000.000 đồng (phụ lục 01);

- Tuyên truyền về nước sạch và VSMT trên Báo Nông nghiệp Việt Nam: 120.000.000 đồng (phụ lục 02);
- Tuyên truyền về nước sạch và VSMT trên Báo Nông thôn Ngày nay: 110.000.000 đồng (phụ lục 03);
- Tuyên truyền về nước sạch và VSMT trên Báo Lao động Xã hội: 110.000.000 đồng (phụ lục 04);
- Tuyên truyền về nước sạch và VSMT trên Tạp chí Nông nghiệp Việt Nam: 100.000.000 đồng (phụ lục 05);
- Tuyên truyền trên Thông tấn xã Việt Nam: 100.000.000 đồng (phụ lục 06);
- Tuyên truyền về nước sạch và VSMT trên Tạp chí Môi trường và Cuộc sống: 90.000.000 đồng (phụ lục 07);
- Sản xuất và phân phối 04 số bản tin Nước sạch và VSMT năm 2011: 335.000.000 đồng (phụ lục 08);
- Duy trì, cập nhật, viết và đăng tải bài trên Website <http://www.cerwass.org.vn>: 60.000.000 đồng (phụ lục 09);
- Đưa tin phản ánh các hoạt động của Chương trình MTQG trên VTV1: 375.000.000 đồng (phụ lục 10);
- Xây dựng 05 phim tuyên truyền, cổ động phát trên VTV1: 620.000 đồng (phụ lục 11);
- Xây dựng và phát sóng 02 chương trình chuyên mục nông thôn ngày nay: 305.000.000 đồng (phụ lục 12);
- Phát sóng 30 thông điệp tuyên truyền về nước sạch VSMT nông thôn trên Đài tiếng nói Việt Nam : 60.000.000 đồng (phụ lục 13);
- Xây dựng và phát sóng 20 chương trình Tin tức sự kiện hỏi đáp về nước sạch và vệ sinh môi trường trên Đài tiếng nói Việt Nam: 80.000.000 đồng (phụ lục 14);
- Xây dựng và phát sóng 03 chương trình tọa đàm về nước sạch và VSMT trên Đài Tiếng nói Việt Nam: 56.000.000 đồng (phụ lục 15);
- Xây dựng và phát sóng 05 câu chuyện truyền thanh tuyên truyền về sử dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên Đài tiếng nói Việt Nam: 134.000.000 đồng (phụ lục 16);
- Chi phí in sang đĩa phim cổ động DVD chuẩn AVI dạng DATA chất lượng tiêu chuẩn và gửi đến địa phương: 60.000.000 đồng (phụ lục 17);
- In đĩa CD chuẩn WAV hoặc MP3 để phát sóng trên Đài truyền thanh tỉnh và gửi cho Đài phát thanh xã: 35.000.000 đồng (phụ lục 18);
- Sản xuất áp phích Vệ sinh môi trường cho người dân nông thôn: 186.000.000 đồng (phụ lục 19);

- Sản xuất áp phích Nước sạch cho người dân nông thôn: 186.000.000 đồng (phụ lục 20);

- Sản xuất tờ rơi "Giải pháp xử lý nước cho mùa hạn hán": 184.000.000 đồng (phụ lục 21);

2. Hoạt động tập huấn:

- Tập huấn phổ biến kiến thức về nước sạch và cho xã viên HTX, người lao động nhằm nâng cao kiến thức, hiểu biết về nước sạch, vệ sinh, sức khỏe tại Phú Thọ và Bắc Giang: 142.000.000 đồng (phụ lục 22);

- Tập huấn nâng cao năng lực truyền thông về nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn cho cán bộ, hội viên Hội nước sạch và môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Ninh: 142.000.000 đồng (phụ lục 23);

3. Hướng dẫn và phổ biến công nghệ:

- Xây dựng phim " Hướng dẫn xây dựng, sử dụng nhà tiêu vượt lũ bằng bê tông cốt thép cho vùng ngập lụt đồng bằng sông Cửu Long" và in đĩa VCD: 350.000.000 đồng (phụ lục 24).

- Xây dựng phim khoa giáo "Cải thiện cấp nước, xử lý nước, trữ nước hộ gia đình", in sang đĩa VCD: 340.000.000 đồng (phụ lục 25).

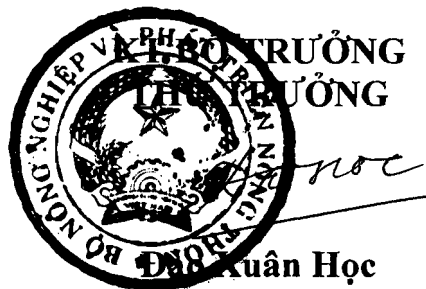
- Xây dựng phim "Hướng dẫn một số phương pháp xử lý nước sinh hoạt khẩn cấp cho nhân dân vùng bị lũ lụt" và in đĩa DVD: 210.000.000 đồng (phụ lục 26).

Điều 2. Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tổ chức triển khai thực hiện, quyết toán các nội dung theo chế độ hiện hành.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Giám đốc trung tâm Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TC





KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO NHÂN DÂN NĂM 2011
(Kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-NT/ĐG ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (PTNT))

TỔNG KINH PHÍ:

120.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí cho một số báo:	5.000.000
1	Hỗ trợ đi thực tế tại vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa	1.000.000
2	Chi trả nhuận bút, nhuận ảnh	2.500.000
3	Chi phí in ấn (thiết kế, chế bản, in ấn)	1.000.000
4	Chi phí biên tập (sửa morat, đánh máy, dàn trang, bình bản, phát hành...)	500.000
	Tổng cộng	5.000.000

Tổng chi phí cho 24 số xuất bản: 24 số x 5.000.000đ = 120.000.000 đ

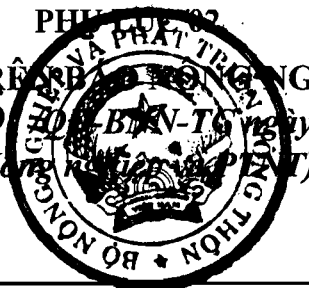
Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng./.

Ghi chú:

- Số lượng thực hiện trên các số báo năm 2011 là 24 số. Số lượng phát hành 200.000 tờ/số
- In đen trắng

PHỤ LỤC 02

KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO VÀ TRUYỀN HÌNH NGHIỆP VIỆT NAM NĂM 2011
 (Kèm theo Quyết định số **1305** **HD-BTN-TG** ngày **17** tháng 6 năm 2011
 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)



TỔNG KINH PHÍ: **120.000.000 Đ**
 Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí cho một số báo:	Số tiền
	Tổng cộng	4.000.000
1	Hỗ trợ đi thực tế tại vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa	800.000
2	Chi trả nhuận bút, nhuận ảnh cho phóng viên	500.000
3	Chi phí in ấn (thiết kế, chế bản, in ấn)	1.000.000
4	Chi phí biên tập (duyet nội dung, sửa morat, đánh máy, dàn trang, bình bản, ...)	1.000.000
5	Chi phí phát hành 30.000 bản/kỳ báo:	700.000

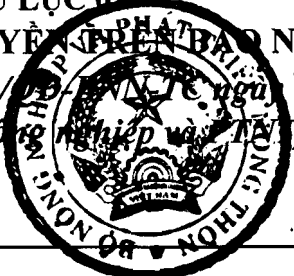
Tổng chi phí cho 30 số xuất bản: 30 số x 4.000.000đ/số = 120.000.000 đ

Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng.

Ghi chú:

- Số lượng thực hiện trên các số báo năm 2011 là 30 kỳ báo có chuyên mục "vì Nông thôn Xanh - Sạch - Đẹp". Số lượng phát hành 30.000 tờ/kỳ đồng thời chuyển tải nội dung chuyên mục lên Website nongnghiep.vn
- Dung lượng tuyên truyền: 1/2 trang khổ 41x29 cm gồm bài viết, tin, ảnh phản ánh hoạt động cung cấp nước sạch tại các địa phương

PHỤ LỤC 03
KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN BÁO NÔNG THÔN NGÀY NAY
(Kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-NTN ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)



TỔNG KINH PHÍ:

110.000.000 Đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí cho một số báo:	5.000.000
1	Hỗ trợ công tác phí cho phóng viên đi thực thực tế tại vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa (2 phóng viên/ 1 chuyên mục):	1.200.000
2	Hỗ trợ chi trả nhuận bút, nhuận ảnh: (nh nhuận bút cho 01 bài viết khoảng 500-600 chữ: 500.000đ/bài; tiền nhuận ảnh: 150.000đ/ảnh; tiền nhuận bút cho tin: 100.000đ/tin)	750.000
3	Chi phí in ấn (thiết kế, chế bản, in ấn): (60.000 tờ x 1.200đ/tờ: 16 trang x 1/2trang)	2.250.000
4	Hỗ trợ chi phí nhân công (sửa morat, đánh máy, dàn trang, bình bản, phát hành...)	800.000

Tổng chi phí cho 22 số xuất bản: 22 số x 5.000.000đ =

110.000.000 đ

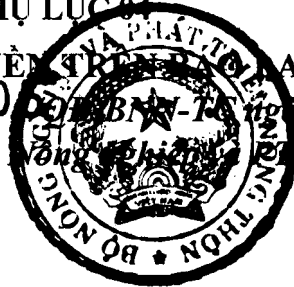
Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng.

Ghi chú:

- Số lượng thực hiện trên các số báo năm 2011 là 22 kỳ báo có chuyên mục với nội dung Nước sạch và VSMT Nông thôn. Số lượng phát hành 60.000 tờ/kỳ
- Dung lượng tuyên truyền: 1/2 trang khổ 41x29 cm gồm bài viết, tin, ảnh phản ánh hoạt động cung cấp nước sạch tại các địa phương

PHỤ LỤC 04

KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRUYỀN THÔNG ĐỒNG XÃ HỘI 2011
(Kèm theo Quyết định số 130/BQ-BN ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)



TỔNG KINH PHÍ:

110.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí cho một số báo:	5.000.000
1	Hỗ trợ đi thực tế tại vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa	900.000
2	Chi trả nhuận bút, nhuận ảnh cho phóng viên	800.000
3	Chi phí in ấn (thiết kế, chế bản phim, giấy + công in)	1.840.000
4	Chi phí biên tập (duyet nội dung, nhập liệu, đọc sửa morat, dàn trang, bình bản, duyệt market...)	760.000
5	Hỗ trợ chi phí phát hành	700.000

Tổng chi phí cho 22 số xuất bản: 22 số x 5.000.000đ/số

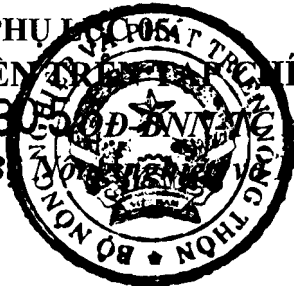
110.000.000

Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng.

Ghi chú:

- Số lượng thực hiện trên các số báo năm 2011 là 22 kỳ báo chuyên đề trên trang "Chính sách và cuộc sống", "Đời sống và pháp luật", "Đất nước và con người" ... phát hành trên đại bàn cả nước. Số lượng phát hành 12.000 tờ/kỳ
- Dung lượng tuyên truyền: 1/2 trang khổ 41x29 cm gồm bài viết, tin, ảnh phản ánh hoạt động cung cấp nước sạch tại các địa phương

PHỤ LỤC SỐ 1
KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TRÊN TẠP CHÍ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
(Kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-BNN/TC ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)



TỔNG KINH PHÍ:

100.000.000 đ
 Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí cho một số tạp chí	50.000.000
	<i>Chi phí cho 01 kỳ xuất bản</i>	<i>50.000.000</i>
1	Giấy phép xuất bản	1.000.000
2	In: bao gồm Market, chỉnh sửa ảnh, dàn trang, in bông, in phim, kiểm tra phim, trình bày, công in, phim, mực in, bản kẽm, giấy các loại, khấu hao thiết bị, gập, lồng tay, đóng ghim, cắt xén, gói bó... vận chuyển đến Tạp chí	30.000.000
3	Công biên tập (bao gồm: đề cương, khai thác, thu thập, biên tập, theo dõi in ấn, chỉnh sửa, đọc duyệt)	7.000.000
4	Nhuận bút (tin, bài, ảnh...)	9.600.000
5	Bóc xếp, vận chuyển, đóng gói gửi	1.000.000
6	Cước phí bưu điện	1.400.000

Tổng kinh phí cho 2 số chuyên đề: 2 số x 50.000.000đ =

100.000.000 đ

Bằng chữ: Một trăm triệu đồng.

Ghi chú:

Số lượng phát hành 1500 bản/1 số chuyên đề, khuôn khổ của tạp chí là 29,5x20,5 cm, số trang 56 trang (52 trang ruột và 4 trang bìa), in đen trắng giấy Bãi Bằng trang ruột 80mg/m², bìa in 4 màu giấy Cuche 230 mg/m² cán bóng

PHỤ LỤC 01
**KINH PHÍ TUYÊN BỐ VÀ PHÁT HÀNH TRÊN TẠP CHÍ CỦA
 TRUNG ƯƠNG ĐÓN QUÂN QUANG SÁCH NĂM 2011**
 (Kèm theo Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011
 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TỔNG KINH PHÍ:

90.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi phí cho một kỳ xuất bản:	45.000.000
1	Tổ chức biên soạn, biên tập, theo dõi in ấn, đọc sửa bông	2.800.000
2	Nhuận bút:	6.100.000
2.1	6 bài chính x 300.000đ	1.800.000
2.2	6 bài phản ánh x 200.000đ	1.200.000
2.3	15 tin x 80.000đ	1.200.000
2.4	01 ảnh bìa	200.000
2.5	03 ảnh bìa 2,3,4 x 100.000đ	300.000
2.6	20 ảnh trang ruột x 70.000đ	1.400.000
3	Chế bản (Market, dàn trang, trình bày, chỉnh sửa, in bông, in phim)	12.300.000
4	In ấn (Kiểm trap him, bình bản, công in, kỹ thuật)	10.000.000
5	Vật tư (gồm phim, kẽm, giấy, mực, khấu hao máy móc)	13.800.000

Tổng kinh phí cho 02 kỳ: 2 kỳ x 45.000.000đ =

90.000.000

Bằng chữ: Chín mươi triệu đồng.

Ghi chú:

Số lượng phát hành 2000 bản/1 số chuyên đề, khuôn khổ của tạp chí là



KINH PHÍ TUYÊN TRUYỀN TIỀN HÌNH TÂN XÃ VIỆT NAM 2011
(Kèm theo Quyết định số 130/2011/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ (NT))

TỔNG KINH PHÍ:

100.000.000 đ
Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
	Tổng số	100.000.000 đ
I	Trang chính thức của TTX Việt Nam: http://news.vn.net.vn	68.000.000
	<i>Kinh phí hỗ trợ cho 136 tin, bài</i>	<i>68.000.000</i>
	Chi trả nhuận bút, biên tập tin: 500.000đ	
1	Bài: 1.000.000đ (quy đổi 2 tin = 1 bài)	68.000.000
II	Tạp chí Tin, ảnh Dân tộc và Miền núi: 4 số Tạp chí, mỗi số 02 trang A4	32.000.000
	<i>Kinh phí hỗ trợ thực hiện 4 số tạp chí</i>	<i>32.000.000</i>
1	Hỗ trợ nhuận bút, biên tập tin, bài, ảnh 1 số: 3.000.000đ	12.000.000
2	Hỗ trợ thiết kế, kỹ thuật chuyên trang 1 số: 1.000.000đ	4.000.000
3	Hỗ trợ phát hành 80.000 bản 1 số: 4.000.000đ	16.000.000

Tổng kinh phí hỗ trợ cho TTXVN
Bằng chữ: Một trăm triệu đồng.

100.000.000 đ



SẢN XUẤT VÀ PHÁT HÀNH BÁO TIN NĂM 2011
 (Kèm theo Quyết định số 1700/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2011
 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

TỔNG KINH PHÍ:

335.000.000 đ

Số lượng: 4 kỳ, 5.000 cuốn/kỳ

Khuôn khổ: 19 x 27 cm

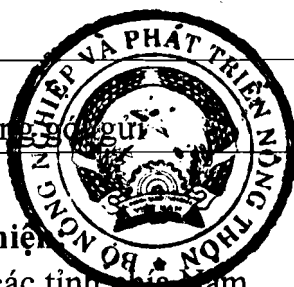
Sô trang: 36 trang

Loại giấy: Nhật (Bìa 150mg/m² giấy cuche bóng; Ruột 100mg/m² giấy

Chất lượng in: 4 màu

DVT: đồng

A	Kinh phí xuất bản, biên tập, phát hành 4 số:	286.400.000
	Xuất bản, biên tập, phát hành 1 số:	71.610.000
I	Kinh phí xuất bản	52.400.000
1	Giấy phép xuất bản	1.000.000
2	Chế bản: (Bao gồm: Maket, chỉnh sửa ảnh, dàn trang, trình bày, in bông, in phim)	15.000.000
3	In ấn: (Bao gồm kiểm tra phim, trình bày, công in)	14.000.000
4	Vật tư: (Gồm: Phim, mực in, bản kẽm, giấy các loại, khâu hao thiết bị)	17.000.000
5	Gia công sau in: (Gồm: gấp, lồng tay, đóng ghim, cắt xén, gói bó ...)	5.400.000
II	Kinh phí biên tập:	13.210.000
1	Công biên tập: (Bao gồm: Đề cương, khai thác thu thập, biên tập, theo dõi in ấn, chỉnh sửa)	4.000.000
2	Nhuận bút: (tin, bài, ảnh, thơ, minh hoạ)	9.210.000
	<i>Ảnh bìa 1</i>	<i>300.000</i>
	<i>Ảnh bìa 2,3,4</i>	<i>530.000</i>
	<i>Ảnh ruột: 22 ảnh</i>	<i>2.200.000</i>
	<i>Bài loại A : 6 bài</i>	<i>2.340.000</i>
	<i>Thơ: 03 bài</i>	<i>300.000</i>
	<i>Bài loại B : 6 bài</i>	<i>1.560.000</i>
	<i>Tin: 22 tin</i>	<i>1.980.000</i>



III	Chi phí phát hành:	6.000.000
1	Bốc xếp, vận chuyển, đóng gói gửi:	1.000.000
2	Cước phí bưu điện:	5.000.000
B	Kinh phí tổ chức thực hiện:	48.600.000
1	Bản tin số 1: Đi thực tế các tỉnh phía Nam	13.204.000
	<i>Vé tàu Hà Nội - TP. HCM: 2 vé khứ hồi:</i>	<i>3.504.000</i>
	<i>Thuê xe từ TP. HCM đi các cơ sở: 600km x 9,000đ:</i>	<i>5.400.000</i>
	<i>Tiền nghỉ: 5 đêm x 2 người x 250,000đ</i>	<i>2.500.000</i>
	<i>Công tác phí: 6 ngày x 2 người x 150,000đ</i>	<i>1.800.000</i>
2	Bản tin số 2: Đi thực tế các tỉnh Tây Nguyên	13.918.000
	<i>Vé ô tô Hà Nội - Buôn Ma Thuột: 3 vé khứ hồi:</i>	<i>2.068.000</i>
	<i>Thuê xe từ Buôn Mê Thuột đi các cơ sở: 600km x 9,000đ:</i>	<i>5.400.000</i>
	<i>Tiền nghỉ: 5 đêm x 3 người x 250,000đ</i>	<i>3.750.000</i>
	<i>Công tác phí: 6 ngày x 3 người x 150,000đ</i>	<i>2.700.000</i>
3	Bản tin số 3 : Đi thực tế các tỉnh Nam Trung Bộ	9.248.000
	<i>Vé ô tô Hà Nội - Bình Thuận: 2 vé khứ hồi:</i>	<i>2.248.000</i>
	<i>Thuê xe từ Bình Thuận đi các cơ sở: 300km x 9,000đ:</i>	<i>2.700.000</i>
	<i>Tiền nghỉ: 5 đêm x 2 người x 250,000đ</i>	<i>2.500.000</i>
	<i>Công tác phí: 6 ngày x 2 người x 150,000đ</i>	<i>1.800.000</i>
4	Bản tin số 4 : Đi thực tế các tỉnh phía Bắc	12.230.000
	<i>Thuê ô tô đi các tỉnh phía Bắc: 1000km x 9,000đ</i>	<i>9.000.000</i>
	<i>Tiền nghỉ: 5 đêm x 2 người x 250,000đ</i>	<i>1.677.200</i>
	<i>Công tác phí: 6 ngày x 2 người x 150,000đ</i>	<i>1.552.800</i>
	Tổng cộng (A+B)	335.000.000

Bằng chữ: Ba trăm ba mươi lăm triệu đồng.

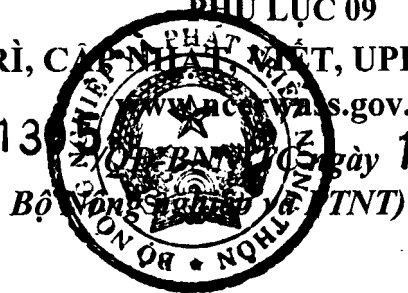
(14)

5

PHỤ LỤC 09

KINH PHÍ DUY TRÌ, CẬP NHẬT NỘI DUNG, UPLOAD BÀI TRÊN WEBSITE

(Kèm theo Quyết định số 13/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Công an (TNT))



TỔNG KINH PHÍ:

60.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên hoạt động	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đ)
	Tổng số				60.000.000
I	Nâng cấp, chỉnh sửa trang Web				32.000.000
1	Thiết kế giao diện				6.000.000
2	Lập trình xây dựng hệ thống mã nguồn				22.000.000
3	Xử lý dữ liệu cũ				4.000.000
II	Nhuận bút				27.200.000
1	Bài (trên 700 từ)	Bài	15	390.000	5.850.000
3	Tin	Tin	100	130.000	13.000.000
4	Ảnh	ảnh	55	90.000	4.950.000
5	Biên tập, kiểm duyệt, đưa tin....	Tin, bài	170	20.000	3.400.000
III	Công đánh máy				800.000
	Các văn bản pháp qui và các tin bài đã được đăng trên các báo và tạp chí	Trang	160	5.000	800.000

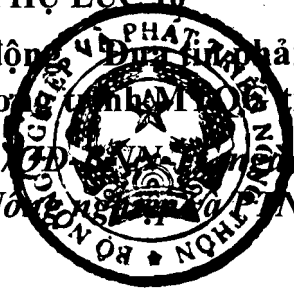
Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.

PHỤ LỤC 10

Dự toán hoạt động "Đưa tin phản ánh các hoạt động của Chương trình "Đổi mới" trên VTV1"

(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NT)



Kinh phí:

375.000.000 đ

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Phần tiền kỳ:				
	Viết kịch bản	Kb	1	2.000.000	2.000.000
	Đạo diễn	Người	1	2.000.000	2.000.000
	Tổ chức hiện trường	nt	1	1.500.000	1.500.000
	Cố vấn kỹ thuật	nt	1	1.000.000	1.000.000
	Quay phim	nt	1	1.500.000	1.500.000
	Thu thanh	nt	1	1.500.000	1.500.000
	Thiết bị quay phim	Ngày	4	1.000.000	4.000.000
	Băng nháp		5	500.000	2.500.000
2	Phần hậu kỳ				
	Phòng dựng băng	Ngày	2	2.000.000	4.000.000
	Biên tập hình ảnh	nt	2	1.000.000	2.000.000
	Thuyết minh	Người	1	1.000.000	1.000.000
	Kỹ thuật đường truyền	nt	1	2.000.000	2.000.000

Cộng: 25.000.000

Tổng cộng: 15 tin x 25.000.000 = 375.000.000đ

Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng./.

PHỤ LỤC 11

SẢN XUẤT 05 PHIM TRUYỀN, CỎ ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-BNN-TG ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ



Kinh phí:

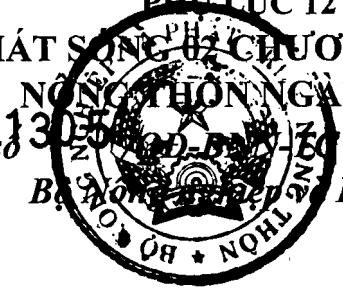
620.000.000 đ

ĐVT: đồng

TT	Nội dung công việc	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng kinh phí sản xuất 5 phim			620.000.000
	Kinh phí 01 phim			124.000.000
I	Thực hiện phần tiền kỳ			52.350.000
1	Biên tập			5.000.000
2	Kịch bản			3.500.000
3	Đạo diễn			4.500.000
4	Quay phim			3.000.000
5	Thu thanh			2.500.000
6	Kỹ thuật hiện trường			3.500.000
7	Ánh sáng			2.500.000
8	Đồ hoạ vi tính			4.500.000
9	Thiết kế mỹ thuật			3.500.000
10	Phụ quay			2.500.000
11	Thiết bị quay phim			15.000.000
12	Băng nháp			2.350.000
II	Thực hiện phần hậu kỳ			50.500.000
1	Chỉ đạo sản xuất			4.000.000
2	Đạo diễn dàn dựng			3.500.000
3	Thuyết minh			3.000.000
4	Kỹ thuật VTR			3.500.000
5	Lồng tiếng			3.000.000
6	Chọn nhạc			2.500.000
7	Kỹ thuật đường hình			3.500.000
8	Âm thanh			3.000.000
9	Kỹ thuật dựng hình, pha âm			3.500.000
10	Khấu hao thiết bị dựng	15	1.000.000	15.000.000
11	Băng thành phẩm (BE TACAM)			3.500.000
12	Studio (phòng dựng)			2.500.000
III	Chi khác			21.150.000
1	Công tác phí cho cán bộ trung tâm (3 người x 7 ngày x 150.000 đ/ngày)	21	150.000	3.150.000
2	Tiền ngủ cho cán bộ Trung tâm (3 người x 6 đêm x 250.000 đ/đêm)	18	250.000	4.500.000
3	Thuê xe	1.500	9.000	13.500.000

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi triệu đồng./.

PHỤ LỤC 12
XÂY DỰNG VÀ PHÁT SÓNG CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN MỤC
NÔNG THÔN NGÀY NAY
 (Kèm theo Quyết định số 1305/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông)



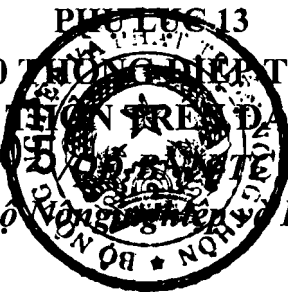
Kinh phí:

305.000.000 đ
ĐVT: đồng

TT	Nội dung công việc	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng kinh phí sản xuất 2 phim			305.000.000
	Kinh phí 01 phim			152.500.000
I	Chi phí vật tư			6.000.000
1	Băng Betacam (40 phút) để ghi hình	5	500.000	2.500.000
2	Băng Betacam (40 phút) để dựng nháp	7	500.000	3.500.000
II	Chi phí làm phim			59.500.000
1	Viết kịch bản			5.000.000
2	Đạo diễn			4.000.000
3	Trợ lý đạo diễn			4.000.000
4	Quay phim			4.000.000
5	Âm thanh			4.000.000
6	Ánh sáng			4.000.000
7	Biên tập			4.000.000
8	Soạn nhạc			4.000.000
9	Thuyết minh			4.000.000
10	Dẫn chương trình			4.000.000
11	Kỹ thuật đường hình			4.000.000
12	Thiết kế mỹ thuật			4.000.000
13	Cố vấn chuyên môn			3.000.000
14	Quần chúng tham gia (15 người x 5 ngày)	75	100.000	7.500.000
III	Trang thiết bị (thuê thiết bị)			72.750.000
1	Thiết bị quay Camera (9 ngày x 1.500.000)	9	1.500.000	13.500.000
2	Thiết bị âm thanh (9 ngày x 1.000.000)	9	1.000.000	9.000.000
3	Thiết bị ánh sáng (9 ngày x 1.000.000)	9	1.000.000	9.000.000
4	Thiết bị dàn dựng (9 ngày x 1.500.000)	9	1.500.000	13.500.000
5	Phòng dựng (9 ngày x 1.000.000)	9	1.000.000	9.000.000
6	Kỹ thuật studio		5.000.000	5.000.000
7	Trả tiền khai thác phim tư liệu		5.000.000	5.000.000
8	Tạo hiện trường quay (mua dụng cụ, vật tư)			8.750.000
IV	Chi khác			14.250.000
1	Công tác phí cho cán bộ trung tâm (3 người x 5 ngày)	15	150.000	2.250.000
2	Tiền ngủ cho cán bộ Trung tâm (3 người x 4 đêm)	12	250.000	3.000.000
3	Thuê xe	1.000	9.000	9.000.000

B

PHỤ LỤC 13
DỰ TOÁN PHÁT SÓNG 30 THÔNG ĐIỆP TUYÊN TRUYỀN VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VSMT NÔNG LÊ TRÊN ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số 305/QĐ-NT/TT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TỔNG KINH PHÍ:

60.000.000 đ

Số lượng: 30 thông điệp/100 lần phát

Thời lượng: 1 phút/thông điệp

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số phút	Đơn giá	Thành tiền
Tổng số 1 lần phát sóng			600.000
1. Tổ chức thực hiện tuyên truyền thông điệp			450.000
1.1 Tổ chức nhân lực và bố trí tuyên truyền thông điệp...(Lãnh đạo Hệ...)	1	250.000	250.000
1.2 Thực hiện tuyên truyền thông điệp...(Phóng viên làm)	1	200.000	200.000
2. Giám sát việc tuyên truyền			150.000
2.1 Giám sát việc thực hiện lịch tuyên truyền thông điệp...(Chủ nhiệm và phó chủ nhiệm chương trình)	1	150.000	150.000

Tổng kinh phí: 100 lần x 600.000đ/lần =

60.000.000 đ

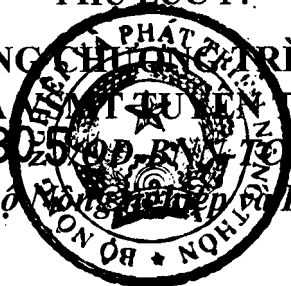
Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.

PHU LUC 14.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT SÓNG CHƯƠNG TRÌNH TIN TỨC SỰ KIỆN HỎI ĐÁP VỀ NƯỚC SẠCH VÀ AN TOÀN TRUYỀN TRÊN ĐÀI TNVN

(Kèm theo Quyết định số 305/QĐ-BYT ngày 7 tháng 6 năm 2011

của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông)



TỔNG KINH PHÍ:

80.000.000 đ

Số lượng: 20 chương trình

Thời lượng: 5 phút/chương trình

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số phút	Đơn giá	Thành tiền
Tổng số 1 chương trình			4.000.000
1. Tổ chức thực hiện tuyên truyền thông điệp			3.250.000
1.1 Tổ chức nhân lực và bố trí tiết mục hỏi đáp...(Lãnh đạo Hệ...)	5	250.000	1.250.000
1.2 Thực hiện tiết mục hỏi đáp... (Phóng viên làm)	5	200.000	1.000.000
1.3 Thực hiện các kỹ thuật dàn dựng tiết mục hỏi đáp...(Kỹ thuật viên làm)	5	200.000	1.000.000
2. Giám sát việc tuyên truyền			750.000
2.1 Giám sát việc thực hiện lịch tuyên truyền tiết mục hỏi đáp...(Chủ nhiệm và phó chủ nhiệm chương trình)	5	150.000	750.000

Tổng kinh phí: 20 chương trình x 4.000.000đ =

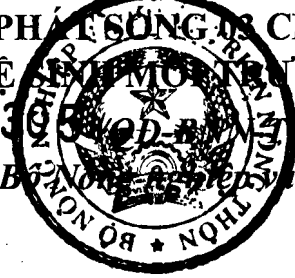
80.000.000 đ

Bằng chữ: Tám mươi triệu đồng./.

PHU LUC 15

DỰ TOÁN XÂY DỰNG VÀ PHÁT SÓNG 03 CHƯƠNG TRÌNH TỌA ĐÀM VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐÀI TNVN

(Kèm theo Quyết định số 132/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông (PTNT))



KINH PHÍ:

56.000.000 đ

Số lượng: 03 cuộc tọa đàm

Thời lượng: Khoảng 15-20 phút/1 cuộc tọa đàm

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Tổng tiền
	Tổng số 1 cuộc tọa đàm				18.700.000
1	Kịch bản	k. bản	1	3.600.000	3.600.000
2	Phóng viên dẫn chương trình	c. trình	1	800.000	800.000
3	Khách mời	người	2	500.000	1.000.000
4	Đạo diễn chương trình	người	1	1.200.000	1.200.000
5	Biên tập chương trình	người	1	1.000.000	1.000.000
6	Thu thanh chương trình	người	1	600.000	600.000
7	Hỗ trợ tuyên truyền (chỉ đạo, biên tập, dàn dựng, giám sát...thực hiện tuyên truyền)	cuộc	1	10.500.000	10.500.000

Tổng kinh phí: 3 cuộc tọa đàm x 18.700.000đ/cuộc = 56.100.000

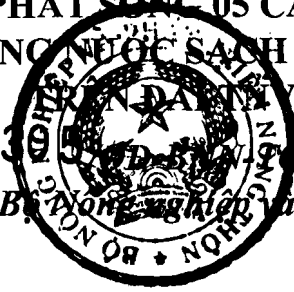
Làm tròn 56.000.000

Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng./.

PHỤ LỤC 16

**DỰ TOÁN XÂY DỰNG VÀ PHÁT SÓNG 05 CÂU CHUYỆN TRUYỀN THANH
TUYÊN TRUYỀN VỀ SỬ DỤNG NƯỚC SẠCH VÀ NHÀ TIÊU HỢP VỆ SINH...**

(Kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-BTN ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



TỔNG KINH PHÍ:

134.000.000 đ

Số lượng: 5 câu chuyện truyền thanh

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng số 1 câu chuyện			26.800.000
1	Xây dựng kịch bản			14.000.000
	Thù lao cho người viết kịch bản	1	9.000.000	9.000.000
	Chỉnh sửa kịch bản	1	3.000.000	3.000.000
	Duyệt kịch bản	2	1.000.000	2.000.000
2	Dàn dựng chương trình phát thanh			12.800.000
	Đạo diễn chương trình	1	3.000.000	3.000.000
	Biên tập chương trình	1	2.500.000	2.500.000
	Diễn viên diễn xuất câu chuyện truyền thanh	4	400.000	1.600.000
	Kỹ thuật viên thu thanh chương trình	2	400.000	800.000
	Pha âm + lồng nhạc, tiếng động	3	400.000	1.200.000
	Duyệt băng lần 1	7	300.000	2.100.000
	Chỉnh sửa băng lần 1	2	400.000	800.000
	Kỹ thuật viên quản lý, giám sát quá trình phát sóng	2	400.000	800.000

Kinh phí 5 câu chuyện: 5 x 26.800.000 đ =

134.000.000 đ

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tư triệu đồng./.

PHIẾU SỐ 17
DỰ TOÁN CHI PHÍ IN SANG ĐĨA PHẠM CỎ ĐỘNG VÀ GỬI ĐẾN

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-NS/C ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Kinh phí:

60.000.000 đ

TT	Tên hoạt động		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	In sang đĩa DVD chuẩn AVI dạng DATA chất lượng tiêu chuẩn để có thể phát sóng trên đài truyền hình các địa phương	đĩa	1.000	50.000	50.000.000
2	Chi phí gửi đĩa đến địa phương				10.000.000
	Tổng cộng:				60.000.000

Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng./.

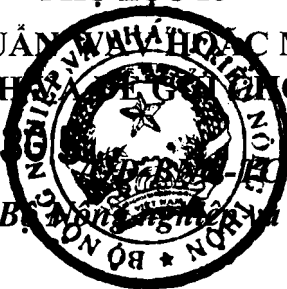
(Handwritten mark)

(Handwritten mark)

PHỤ LỤC 18

**DỰ TOÁN IN ĐĨA CD CHUẨN WAV HOẶC MP3 PHÁT SÓNG TRÊN ĐÀI
TRUYỀN THANH TỈNH VÀ CHUYÊN CHO ĐÀI PHÁT THANH XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 1 ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Thông tin và Truyền thông PTNT)



TỔNG KINH PHÍ:

35.000.000 đ

Số lượng: 1.000 đĩa

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng số			35.000.000
1	In đĩa CD chuẩn WAV hoặc MP3 để phát sóng trên Đài truyền thanh Tỉnh và chuyên cho Đài phát thanh xã	1.000	25.000	25.000.000
2	Cước phí gửi đĩa đến các địa phương (63 tỉnh, thành phố)			10.000.000

Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu đồng./.

10

10



ÁP PHÍCH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CHO NGƯỜI DÂN NÔNG THÔN
 (Kèm theo Quyết định số 13/2011/QĐ-BNN-PTNT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Kinh phí:

186.000.000 đ

TT	Tên hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Biên tập nội dung, làm Market, nhuận ảnh...	bản	1	5.000.000	5.000.000
2	In trên giấy Counce 250 gsm, cán bóng 1 mặt, khổ 41 x 61cm	tờ	15.000	10.000	150.000.000
3	Xin giấy phép xuất bản	bản	1	2.000.000	2.000.000
4	Công tác cắt xén và vận chuyển đến địa phương				29.000.000
	Tổng cộng:				186.000.000

Bằng chữ: Một trăm tám mươi sáu triệu đồng./.




PHỤ LỤC CHẬT TRIỂN

TỜ RƠI "GIẢI PHÁP KINH DOANH CHO MÙA HẠN HẠN"

(Kèm theo Quyết định số 1359/QĐ-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Thông tin và Truyền thông (PTNT))



Kinh phí:

184.000.000 đ

TT	Tên hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Biên tập nội dung, làm Market, nhuận ảnh...	bản	1	5.000.000	5.000.000
3	In trên giấy Couche 180 gsm, cán bóng khổ 21 x 29.7cm	tờ	150.000	950	142.500.000
4	Xin giấy phép xuất bản	bản	1	2.000.000	2.000.000
5	Công tác cắt xén và vận chuyển đến địa phương				34.500.000
	Tổng cộng:				184.000.000

Bằng chữ: Một trăm tám mươi tư triệu đồng./.

PHỤ LỤC 22

**DỰ TOÁN KINH PHÍ TẬP HUẤN PHỒI ĐIỂN KIẾN THỨC VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ
SINH MÔI TRƯỜNG CHO XÁ VIÊN HTX, NGƯỜI LAO ĐỘNG**

TẠI PHÚ THỌ, BẮC GIANG NĂM 2011

*(Kèm theo Quyết định số 130/QĐ-BNN ngày 17 tháng 6 năm 2011
của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

Đối tượng: Cán bộ quản lý HTX Nông nghiệp xã viên và người lao động trong các HTX nông nghiệp

Số lượng: 02 lớp, mỗi lớp 50 người

Địa điểm: Tại Phú Thọ, Bắc Giang

Kinh phí:

142.000.000 đ

ĐVT: đồng

T T	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng cộng				142.000.000
A	Tại Phú Thọ				71.700.000
I	Chi phí cho lớp tập huấn (50 học viên)				60.550.000
1	Bồi dưỡng Giảng viên (2 buổi/ngày x 3 ngày)	buổi	6	300.000	1.800.000
2	Thuê hội trường, trang trí và trang thiết bị	ngày	3	3.000.000	9.000.000
3	Photo 50 tờ x 300đ/tờ x 50 tập	bộ	50	15.000	750.000
4	Đóng Quyển tài liệu	quyển	50	3.000	150.000
5	Văn phòng phẩm (túi, bút, vở...)	túi	50	5.000	250.000
6	Nước uống 50 người x 3 ngày	người	150	30.000	4.500.000
7	Bồi dưỡng phục vụ lớp (2 người x 3 ngày x 100.000đ)	ngày	6	100.000	600.000
8	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên : 50 người x 3 ngày x 100.000đ/ngày	người	150	100.000	15.000.000
9	Hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên: 50 người x 2 đêm x 250.000đ/ngày	người	100	250.000	25.000.000
10	Hỗ trợ đi - về cho học viên: trung bình 70.000đ/người	người	50	70.000	3.500.000
II	Chi phí cho cán bộ tổ chức				6.100.000
1	Tiền công tác phí: 2 người x 5 ngày	ngày	10	150.000	1.500.000
2	Tiền ngủ: 2 người x 4 đêm	đêm	8	250.000	2.000.000
3	Thuê ô tô + lưu xe (200km x 9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm)				2.600.000

III	Chi phí cán bộ TTQG kiểm tra				5.050.000
1	Tiền công tác phí: 3 người x 3 ngày		9	150.000	1.350.000
2	Tiền ngủ: 3 người x 2 đêm		6	250.000	1.500.000
3	Thuê ô tô + lưu xe (200km x 9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm)				2.200.000
B	Tại Bắc Giang				70.300.000
I	Chi phí cho lớp tập huấn(50 học viên)				60.550.000
1	Bồi dưỡng Giảng viên (2 buổi/ngày x 3 ngày)	buổi	6	300.000	1.800.000
2	Thuê hội trường, trang trí và trang thiết bị	ngày	3	3.000.000	9.000.000
3	Photo 50 tờ x 300đ/tờ x 50 tập	bộ	50	15.000	750.000
4	Đóng Quyển tài liệu	quyển	50	3.000	150.000
5	Văn phòng phẩm (túi, bút, vở...)	túi	50	5.000	250.000
6	Nước uống 50 người x 3 ngày	người	150	30.000	4.500.000
7	Bồi dưỡng phục vụ lớp (2 người x 3 ngày x 100.000đ)	ngày	6	100.000	600.000
8	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên : 50 người x 3 ngày x 100.000đ/ngày	người	150	100.000	15.000.000
9	Hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên: 50 người x 2 đêm x 250.000đ/ngày	người	100	250.000	25.000.000
10	Hỗ trợ đi - về cho học viên: trung bình 70.000đ/người	người	50	70.000	3.500.000
II	Chi phí cho cán bộ tổ chức				5.560.000
1	Tiền công tác phí: 2 người x 5 ngày	ngày	10	150.000	1.500.000
2	Tiền ngủ: 2 người x 4 đêm	đêm	8	250.000	2.000.000
3	Thuê ô tô + lưu xe (140km x 9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm)				2.060.000
III	Chi phí cán bộ TTQG kiểm tra				4.190.000
1	Tiền công tác phí: 3 người x 3 ngày	ngày	9	150.000	1.350.000
2	Tiền ngủ: 3 người x 2 đêm	đêm	6	250.000	1.500.000
3	Thuê ô tô + lưu xe (130km x 9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm)	người	2	200.000	1.340.000

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu đồng./.

PHỤ LỤC 23

TẬP HUẤN PHỔ BIẾN KIẾN THỨC CHO HỘI VIÊN HỘI NƯỚC SẠCH NHẪM NÂNG CAO KIẾN THỨC, HIỆU QUẢ VIỆC LÀM NƯỚC SẠCH, VỆ SINH, SỨC KHỎE
(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-BAV ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT))

Đối tượng tập huấn: Cán bộ truyền thông công tác truyền thông, hội viên thuộc Hội Nước sạch và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc và Bắc Ninh

Số lượng: 02 lớp, mỗi lớp 50 người

Địa điểm: Tại Vĩnh Phúc, Bắc Ninh

Kinh phí:

142.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng số				142.000.000
A	ngày)				71.700.000
I	Phân chi phí lớp tập huấn				60.550.000
1	Thuê giảng viên giảng dạy (2 buổi/ngày * 3 ngày)	buổi	6	300.000	1.800.000
2	Thuê hội trường, trang trí, trang thiết bị giảng dạy	ngày	3	3.000.000	9.000.000
3	Photo tài liệu giảng dạy (50 tờ * 300đ * 50 bộ)	bộ	50	15.000	750.000
4	Đóng quyển tài liệu	quyển	50	3.000	150.000
5	Văn phòng phẩm (túi, bút, vở...)	túi	50	5.000	250.000
6	Nước uống (50 người * 3 ngày)	người	150	30.000	4.500.000
7	Bồi dưỡng phục vụ lớp (2 người * 3 ngày * 100.000đ/ngày)	ngày	6	100.000	600.000
8	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (50 người * 3 ngày * 100.000đ/ngày)	người	150	100.000	15.000.000
9	Hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên (50 người * 2 đêm * 250.000đ/đêm)	người	100	250.000	25.000.000
10	Hỗ trợ đi - về cho học viên: trung bình 70.000đ/người	người	50	70.000	3.500.000
II	Phân chi phí đi lại cho giảng viên và cán bộ tổ chức lớp tập huấn				6.100.000
	Tiền ngủ BTC (2 người * 4 đêm * 250.000đ/ngày)	đêm	8	250.000	2.000.000
	Công tác phí BTC (2 người * 5 ngày * 150.000 đ/ngày)	ngày	10	150.000	1.500.000
	Thuê ô tô đi - về tổ chức lớp tập huấn: 200km*9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm	km			2.600.000
III	Chi phí cán bộ TTQG kiểm tra				5.050.000

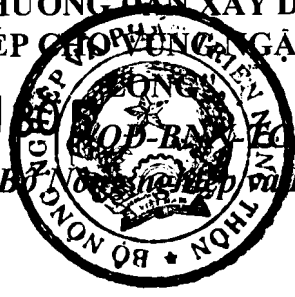
1	Tiền công tác phí: 3 người x 3 ngày	ngày	9	150.000	1.350.000
2	Tiền ngủ: 3 người x 2 đêm	đêm	6	250.000	1.500.000
3	Thuê ô tô đi - về tổ chức lớp tập huấn: 200km*9.000, lưu xe: 200.000				2.200.000
B	Tại tỉnh Bắc Ninh (50 người)				70.300.000
I	Phần chi phí lớp tập huấn				60.250.000
1	Thuê giảng viên giảng dạy (2 buổi/ngày * 3 ngày)	buổi	6	300.000	1.800.000
2	Thuê hội trường, trang trí, trang thiết bị giảng dạy	ngày	3	3.000.000	9.000.000
3	Photo tài liệu giảng dạy (50 tờ * 300đ * 50 bộ)	bộ	50	15.000	750.000
4	Đóng quyển tài liệu	quyển	50	3.000	150.000
5	Văn phòng phẩm (túi, bút, vở...)	túi	50	5.000	250.000
6	Nước uống (50 người * 3 ngày)	người	150	30.000	4.500.000
7	Bồi dưỡng phục vụ lớp (2 người * 3 ngày * 100.000đ/ngày)	ngày	6	100.000	600.000
8	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên (50 người * 3 ngày * 100.000đ/ngày)	người	150	100.000	15.000.000
9	Hỗ trợ tiền nghỉ cho học viên (50 người * 2 đêm * 250.000đ/đêm)	người	100	250.000	25.000.000
10	Hỗ trợ đi - về cho học viên: trung bình 70.000đ/người	người	50	64.000	3.200.000
	Phần chi phí đi lại cho giảng viên và cán bộ tổ chức lớp tập huấn				5.560.000
	Tiền ngủ BTC (2 người * 4 đêm * 250.000đ/ngày)	đêm	8	250.000	2.000.000
	Công tác phí BTC (2 người * 5 ngày * 150.000 đ/ngày)	ngày	10	150.000	1.500.000
	Thuê ô tô đi - về tổ chức lớp tập huấn: 140km*9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm	km			2.060.000
III	Chi phí cán bộ TTQG kiểm tra				4.490.000
1	Tiền công tác phí: 3 người x 3 ngày	ngày	9	150.000	1.350.000
2	Tiền ngủ: 3 người x 2 đêm	đêm	6	250.000	1.500.000
3	Thuê ô tô đi - về tổ chức lớp tập huấn: 140km*9.000, lưu xe: 200.000đ/đêm				1.640.000

Bảng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu đồng

PHỤ LỤC 24

DỰ TOÁN " XÂY DỰNG PHIM HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, SỬ DỤNG NHÀ TIÊU VƯỢT LŨ BẰNG BÊ TÔNG CỐT THÉP CHỖ VÙNG GIÁP LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU

(Kèm theo Quyết định số 1 ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)



Thời lượng phát sóng: 30 phút

KINH PHÍ:

350.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng kinh phí				350.000.000
I.	Chi phí vật tư				5.500.000
1	Băng Betacam (40 phút) để ghi hình	6	băng	500.000	3.000.000
2	Băng Betacam (40 phút)	5	băng	500.000	2.500.000
II	Chi phí tiền kỳ				87.500.000
1	Viết kịch bản	1	kịch bản	4.500.000	4.500.000
2	Đạo diễn (1 người x 2 tháng)	2	người/tháng	6.000.000	12.000.000
3	Trợ lý đạo diễn (1 người x 2 tháng)	2	người/tháng	5.000.000	10.000.000
4	Quay phim (2 người x 2 tháng)	4	người/tháng	4.000.000	16.000.000
5	Âm thanh	1	bộ	3.000.000	3.000.000
6	Ánh sáng	1	bộ	3.000.000	3.000.000
7	Biên tập	1	người	5.000.000	5.000.000
8	Soạn nhạc	1	người	3.000.000	3.000.000
9	Thuyết minh	1	người	2.000.000	2.000.000
10	Dẫn chương trình	1	người	3.000.000	3.000.000
11	Kỹ thuật đường hình	1	người	3.000.000	3.000.000
12	Thiết kế mỹ thuật	1	người	2.000.000	2.000.000
13	Cố vấn chuyên môn	2	người/tháng	4.000.000	8.000.000
14	Thuê thợ làm nhà tiêu (4 người x 5 ngày)	20	người/ngày	150.000	3.000.000
15	Tạo hiện trường quay (mua dụng cụ, vật tư,)				10.000.000
III	Chi phí hậu kỳ				125.500.000
1	Phòng dựng và thiết bị máy móc	15	ngày	1.500.000	22.500.000
2	Phòng thu	10	ngày	1.500.000	15.000.000
3	Dựng mô hình 3D	10	phút	4.500.000	45.000.000
4	Trả tiền khai thác phim tư liệu				7.000.000
5	Kỹ thuật dựng phi tuyến (2 người x 12 ngày)	24	người/ngày	1.500.000	36.000.000
IV	Trang thiết bị				69.000.000
1	Thiết bị quay Camera	15	ngày	2.000.000	30.000.000
2	Thiết bị âm thanh	15	ngày	1.000.000	15.000.000

3	Thiết bị ánh sáng		ngày	1.000.000	15.000.000
4	Kỹ thuật Studio		người	3.000.000	9.000.000
V	Chi khác				34.280.000
	Vé tàu cho CBTT (2 người x 2 lần)		Vé	1.260.000	10.080.000
1	Công tác phí cho cán bộ trung tâm (2 người x 10 ngày x 2 lần)		người/ngày	150.000	6.000.000
2	Tiền ngủ cho cán bộ trung tâm (2 người x 8 ngày x 2 lần)	32		200.000	6.400.000
3	Chi phí thuê xe ô tô Thuê xe: 500km/lần x 2 lần Lưu xe đêm: 16 đêm	1.000 16	km đêm	7000 300.000	11.800.000
VI	In sang đĩa				28.220.000
	Sang đĩa VCD (bao gồm in và thiết kế nhãn đĩa và vỏ hộp)	1000	đĩa	15.000	15.000.000
	Cước phí vận chuyển đĩa VCD đến các địa phương				13.220.000

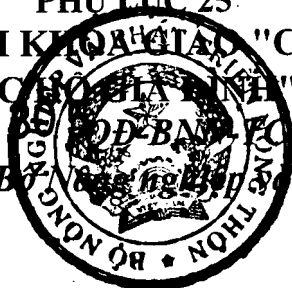
Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng./.

(Handwritten mark)

(Handwritten mark)

PHỤ LỤC 25

DỰ TOÁN XÂY DỰNG PHIM KHÓA GIẢI "CẢI THIỆN CẤP NƯỚC, XỬ LÝ NƯỚC, TRỮ NƯỚC SỐ PHẠ YÊN", IN SANG ĐĨA VCD
(Kèm theo Quyết định số 17/2011/QĐ-BN ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ (Vấn đề) (PTNT))



Thời lượng phát sóng: 30 phút

KINH PHÍ:

340.000.000 đ

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung công việc	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng kinh phí				340.000.000
I.	Chi phí vật tư				4.950.000
1	Băng Betacam (40 phút) để ghi hình	6	băng	450.000	2.700.000
2	Băng Betacam (40 phút)	5	băng	450.000	2.250.000
II	Chi phí tiền kỳ				77.500.000
1	Viết kịch bản	1	kịch bản	5.000.000	5.000.000
2	Đạo diễn (1 người x 2 tháng)	2	người/tháng	6.000.000	12.000.000
3	Trợ lý đạo diễn (1 người x 2 tháng)	2	người/tháng	4.000.000	8.000.000
4	Quay phim (2 người x 1 tháng)	2	người/tháng	4.000.000	8.000.000
5	Âm thanh	1	bộ	2.000.000	2.000.000
6	Ánh sáng	1	bộ	2.000.000	2.000.000
7	Biên tập	1	người	3.000.000	3.000.000
8	Soạn nhạc	1	người	3.000.000	3.000.000
9	Thuyết minh	1	người	2.000.000	2.000.000
10	Dẫn chương trình	1	người	3.000.000	3.000.000
11	Kỹ thuật đường hình	1	người	3.000.000	3.000.000
12	Thiết kế mỹ thuật	1	người	2.000.000	2.000.000
13	Cố vấn chuyên môn	1	người/tháng	3.500.000	3.500.000
14	Thuê thợ làm bể lọc cát, hồ chứa nước mưa có ngăn sơ lọc, bể chứa nước mưa có ngăn lọc, thiết bị lọc gốm, Lu Thái Lan cải tiến, Lu sành chống muỗi (6 người x 10 ngày)	60	ngày	100.000	6.000.000
15	Tạo hiện trường quay (mua dụng cụ, vật tư)				15.000.000
II	Chi phí hậu kỳ				115.300.000
1	Phòng dựng và thiết bị máy móc	15	ngày	1.500.000	22.500.000
2	Phòng thu	10	ngày	1.500.000	15.000.000
3	Dựng mô hình 3D	10	phút	4.500.000	45.000.000
4	Trả tiền khai thác phim tư liệu				8.800.000
5	Kỹ thuật dựng phi tuyến (2 người x 12 ngày)	24	ngày	1.000.000	24.000.000
III	Trang thiết bị				88.500.000
1	Thiết bị quay Camera	15	ngày	2.000.000	30.000.000
2	Thiết bị âm thanh	15	ngày	1.500.000	22.500.000
3	Thiết bị ánh sáng	15	ngày	1.500.000	22.500.000

PHỤ LỤC 26

DỰ TOÁN XÂY DỰNG PHIM HƯỚNG DẪN MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ NƯỚC SINH HOẠT KHẨN CẤP CHO NHÂN DÂN VÙNG BỊ LŨ LỤT",

(Kèm theo Quyết định số 18/2011/QĐ-PTNT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Thời lượng phát sóng: 15 phút

KINH PHÍ:

210.000.000 đ

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	Số lượng	Đơn vị	Đơn giá	Thành tiền
	Tổng kinh phí				210.000.000
I.	Chi phí vật tư				1.800.000
1	Băng Betacam (40 phút) để ghi hình	2	băng	450.000	900.000
2	Băng Betacam (40 phút)	2	băng	450.000	900.000
II	Chi phí tiền kỳ				52.500.000
1	Viết kịch bản	1	kịch bản	5.000.000	4.500.000
2	Đạo diễn	1	người	6.000.000	6.000.000
3	Trợ lý đạo diễn	1	người	5.000.000	5.000.000
4	Quay phim	2	người	4.000.000	8.000.000
5	Âm thanh	1	bộ	3.000.000	3.000.000
6	Ánh sáng	1	bộ	3.000.000	3.000.000
7	Biên tập	1	người	5.000.000	5.000.000
8	Soạn nhạc	1	người	3.000.000	3.000.000
9	Thuyết minh	1	người	2.000.000	2.000.000
10	Dẫn chương trình	1	người	3.000.000	3.000.000
11	Kỹ thuật đường hình	1	người	3.000.000	3.000.000
12	Thiết kế mỹ thuật	1	người	2.000.000	2.000.000
13	Cố vấn chuyên môn	1	người	4.000.000	4.000.000
14	Tạo hiện trường quay (mua dụng cụ, vật tư)				1.000.000
III	Chi phí hậu kỳ				72.000.000
1	Phòng dựng và thiết bị máy móc	10	ngày	2.000.000	20.000.000
2	Phòng thu	8	ngày	1.500.000	12.000.000
3	Trả tiền khai thác phim tư liệu/phút				10.000.000
4	Kỹ thuật dựng phi tuyến (2 người x 10 ngày)	20	người/ngày	1.500.000	30.000.000
IV	Trang thiết bị				46.000.000
1	Thiết bị quay Camera	10	ngày	2.000.000	20.000.000
2	Thiết bị âm thanh	10	ngày	1.000.000	10.000.000
3	Thiết bị ánh sáng	10	ngày	1.000.000	10.000.000
4	Kỹ thuật Studio	2	người	3.000.000	6.000.000
V	Chi khác				8.700.000

1	Công tác phí cho cán bộ trung tâm (người x 6 ngày)		người/ngày	150.000	1.800.000
2	Tiền ngủ cho cán bộ trung tâm (x 5 ngày)			200.000	2.000.000
3	Chi phí xăng xe đi quay và thực phẩm		km	7.000	4.900.000
VI	In sang đĩa				29.000.000
1	Sang đĩa DVD (bao gồm in và thiết kế nhãn đĩa và vỏ hộp)	1000	đĩa	20.000	20.000.000
2	Cước phí vận chuyển đĩa DVD đến các địa phương				9.000.000

Bằng chữ: Hai trăm mười triệu đồng./.

C